

Bản án số: 93/2022/DS-ST  
Ngày 27-7-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Nam.

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 212/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2022/QĐST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X (Ngân hàng).

Địa chỉ: Tầng 8 – Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP X là ông Huỳnh Phùng Hoàng Hải – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh An Giang (có mặt).

Địa chỉ: 46 Hai Bà Trưng, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:**

+ Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1956 (vắng mặt).

+ Ông Trần Đức H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 191A, hẻm 6 Trần Hưng Đạo, phường M1, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện tại: 171 Tôn Thất THết, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Huỳnh Phùng Hoàng Hải đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xtrình bày:*

Bà Trần Thị Mỹ N ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/8/2014 và ngày 20/10/2014 theo đề nghị của bà Trần Thị Mỹ N về việc phát hành thẻ phụ cho ông Trần Đức H cùng chung số tài khoản với Ngân hàng TMCP X– Chi nhánh An Giang.

Thông tin cụ thể của thẻ tín dụng được cấp như sau:

Tên thẻ chính: Trần Thị Mỹ N; Số thẻ chính: 4041 5234 8588 5465; Số tài khoản: 150224849003705.

Tên thẻ phụ: Trần Đức H; Số thẻ: 4041 5234 8589 3410;

Loại thẻ: Visa Vàng; Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng; Thời hạn: đến tháng 8/2017; Lãi suất thẻ: 28,2%/năm; Phí trễ hạn: 4%/số tiền tối thiểu chưa thanh toán; sao kê hàng tháng: ngày 23; Mục đích: Tiêu dùng.

Ngày 13/9/2016 khách hàng ký giấy thay đổi hạn mức từ 200.000.000 đồng lên 300.000.000 đồng, các nội dung khác không thay đổi so với giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/8/2014 và phát hành thẻ phụ ngày 20/10/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 07/8/2020 bà N và ông H đã vi phạm cam kết theo các điều khoản ghi trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng về việc trả nợ vay ngân hàng. Ngân hàng đã cHển dư nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn từ ngày 07/8/2020. Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022, còn nợ vốn, lãi tổng cộng là 180.366.734 đồng, trong đó: vốn 103.469.049 đồng; lãi và phí là 76.897.685 đồng. Yêu cầu bà N, ông H phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi nêu trên

\* Bị đơn bà Trần Thị Mỹ N, ông Trần Đức H vắng mặt không lý do.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn trình bày: Ngày 08/6/2022 bà N thanh toán được 40.000.000 đồng vốn. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bà N, ông H thanh toán nợ, Ngân hàng đã thay đổi phương pháp tính lãi, thay vì trước đây thỏa thuận phương thức tính lãi là nợ lãi nhập vốn, rồi tính lãi trên dư nợ cuối cùng. Nay Ngân hàng áp dụng công thức chỉ tính lãi đối với vốn gốc thành 02 giai đoạn, giai đoạn lãi trong hạn là 15 ngày kể từ ngày phát sinh nợ với mức lãi suất thỏa thuận là 28,2%/năm, giai đoạn thứ 2 là áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tính đến ngày 27/7/2022 bà N, ông H còn nợ vốn gốc 63.469.049 đồng, lãi trong hạn 1.199.107 đồng, lãi quá hạn là 85.065.670 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 149.733.826 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Xuyên cầu Tòa án buộc bà N và ông H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 27/7/2022 vốn gốc là 63.469.049 đồng, lãi trong hạn là 1.199.107 đồng, lãi quá hạn là 85.065.670 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 149.733.826 đồng. Và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trên vốn gốc của hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế từ ngày 28/7/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ N, ông Trần Đức H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ngày 14/8/2014 và ngày 20/10/2014 bà N và Ngân hàng TMCP X- Chi nhánh An Giang thỏa thuận ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Ngày 13/9/2016 tăng hạn mức sử dụng lên 300.000.000 đồng, bà N được cấp thẻ chính và ông H được cấp thẻ phụ, đồng sử dụng như nhau. Đến ngày 27/7/2022 bà N, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 63.469.049 đồng, lãi trong hạn là 1.199.107 đồng, lãi quá hạn là 85.065.670 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 149.733.826 đồng. Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà N, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bảng tính lãi (07/7/2022); Giấy chứng minh nhân dân của bà N, ông H; Sổ hộ khẩu gia đình N và H; Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/8/2014 (bản sao); Giấy đề nghị phát hành thẻ phụ ngày 20/10/2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52A8019972 (bản sao); Biên bản sử dụng thẻ quốc tế; Giấy đề nghị thay đổi hạn mức thẻ tín dụng ngày 13/9/2016 (bản sao); Biên bản xác minh....

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 14/8/2014 và ngày 20/10/2014 bà N và Ngân hàng TMCP X– Chi nhánh An Giang thỏa thuận ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Ngày 13/9/2016 tăng hạn mức sử dụng lên 300.000.000 đồng, bà N được cấp thẻ chính và ông H được cấp thẻ phụ, đồng sử dụng như nhau. Từ khi vay đến nay bà N, ông H thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên đã phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã cHên nợ quá hạn và yêu cầu bà N, ông H phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 27/7/2022 là 149.733.826 đồng.

[2.1] Xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa bà N với Ngân hàng TMCP X– Chi nhánh An Giang ngày 14/8/2014 và ngày 20/10/2014, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo trong đó có Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/8/2014; Giấy đề nghị phát hành thẻ phụ ngày 20/10/2014 cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan cHên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116,

Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Theo thỏa thuận của các bên tiền lãi sẽ được tính trên dư nợ cuối cùng có nghĩa là nợ tiền lãi kỳ trước sẽ được nhập vào vốn, rồi tính lãi, việc thỏa thuận này là không phù hợp quy định, nên cần phải điều chỉnh cho phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định thay đổi công thức tính lãi là chỉ tính lãi trên phần vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi công thức tính lãi này là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### [3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Xđổi với bà Trần Thị Mỹ N và ông Trần Đức H.

- Buộc bà Trần Thị Mỹ N và ông Trần Đức H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Xsố tiền vốn, lãi tính đến ngày 27/7/2022 vốn gốc là 63.469.049 đồng, lãi trong hạn 1.199.107 đồng, lãi quá hạn là 85.065.670 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 149.733.826 đồng (Bảng tính lãi photo kèm theo).

- Bà Trần Thị Mỹ N và ông Trần Đức H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 63.469.049 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà các bên đã ký kết kể từ ngày 28/7/2022 cho đến khi trả hết nợ.

## 2. Về án phí:

- Bà Trần Thị Mỹ N và ông Trần Đức H phải chịu 7.486.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Xđược nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 4.509.000 đồng theo Biên lai thu số: 0000859 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2022), đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Liêm Huỳnh Văn Nam**

**Lê Thị Hồng Thi**







***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Hện Châu Phú;
- Chi cục THADS Hện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô N Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô N Phi